

Bản án số: 200/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2019

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Phú;

2/ Ông Huỳnh Thanh Hùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Khu dân cư ấp VT, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ 24, ấp VP, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà S có mặt, ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2019 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị S trình bày: Hôn nhân của bà với ông Nguyễn Văn M do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 24/11/2010. Sau khi kết hôn bà và ông M về xã V sống, bà bán rau cải, ông M làm ruộng của gia đình. Trong quá trình chung sống bà và ông M thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M không quan tâm

chăm sóc vợ con, chỉ biết sống vì bản thân, bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông M không nghe làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được và không còn chung sống với nhau khoảng 04 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông M. Trước đây bà đã có đơn xin ly hôn với ông M tại tòa án nhưng sau đó bà rút đơn lại nhằm hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không thành.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/10/2010, hiện nay đang sống với ông M và gia đình, khi ly hôn bà đồng ý giao cháu T cho ông M được tiếp tục nuôi dưỡng, bà xin không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông M theo quy định nhưng ông M vắng mặt, để đảm bảo quyền lợi của ông M, Tòa án có đến nhà của ông M để ghi nhận ý kiến nhưng không gặp ông nên không thể ghi nhận ý kiến của ông.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 16/4/2019, kết quả thể hiện: Trong quá trình chung sống hai bên không có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi chỉ có việc bà S chê bai ông M nghèo, tự ý bỏ đi, sau đó về làm đơn xin ly hôn với ông M, về phía gia đình ông M không có hắt hủi bà S. Khi chung sống bà S và ông M có 01 con chung như bà S trình bày, hiện nay cháu đang sống với bà nội (bà Võ Thị Chắng, mẹ ông M). Ông M vẫn còn đăng kí hộ khẩu chung với bà Chắng.

Tại biên bản xác minh ngày 16/4/2019 được công an xã V cho biết hiện ông M vẫn còn đăng ký thường trú tại xã V theo tàng thư công an đang lưu giữ.

Tại phiên tòa bà S vẫn bảo lưu ý kiến. Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của bà S và ông M có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/10/2010, cháu hiện nay đang sống với ông M và gia đình. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu T sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S là giao cháu lại cho ông M được nuôi dạy. Bà S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà S và ông M có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M. Ông M có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông M được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà S và ông M có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà S xin ly hôn với ông M thì thấy: Trong đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống giữa hai bên đã lâu. Năm 2015, bà S nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, sau đó bà rút đơn khởi kiện để hàn gắn với ông M nhưng cho đến nay gần 04 năm giữa hai bên không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình.

Tại phiên tòa bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông M. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà S và ông M không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/10/2010 đang sống với ông M và gia đình ông, bà S cũng đồng ý giao cháu T lại cho ông M nuôi dưỡng. Cháu T cũng có nguyện vọng muốn sống chung với cha và bà nội trong trường hợp cha, mẹ ly hôn. Để đảm bảo sự phát triển và ổn định về tâm, sinh lý của cháu T sau này, Hội đồng xét xử giao cháu T lại cho ông M nuôi dưỡng.

Ông M cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Mặc dù không làm việc được với ông M về việc cấp dưỡng và bà S có yêu cầu xin không cấp dưỡng, tuy nhiên căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình và để đảm bảo cho sự phát triển của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ cần buộc bà S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng hàng tháng là 655.000 đồng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà S và ông M có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/10/2010 hiện đang sống với ông M cho ông tiếp tục nuôi dưỡng. Bà S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng, mức cấp dưỡng là 655.000 đồng. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông M cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011113 ngày 25/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, bà S còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 145 ngày 24/11/2010 thuộc quyển số 02 của Ủy ban nhân dân xã V không còn giá trị pháp lý.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã V (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS, VP (1);

Nguyễn Quang Bảo